| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY NAM**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 116/2024/HN-ST
Ngày: 16-8-2024
*"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Hằng
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương
2. Ông Nguyễn Minh Chánh

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 323/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024, về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 405/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996; Địa chỉ thường trú: ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn D, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị T, anh D có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/7/2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày*:

1. Về hôn nhân: Chị và anh D do quen biết mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 06/3/2015. Trong quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không vui vẻ, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do anh D không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu bia về hăm doạ, đánh chị nhiều lần. Chị đã chịu đựng đã hơn 10 năm nay. Chị cũng đã tha thứ nhiều lần nhưng trong thời gian dài anh D không thay đổi. Chị về nhà cha mẹ ruột ở khoảng 02 năm nay. Còn anh D ở chung với cha mẹ ruột của anh. Trong

thời gian không sống chung, anh D uống rượu vào và qua nhà của chị "quậy" nên giờ bên gia đình chị không chấp nhận anh D nữa. Nay quyết định và suy nghĩ rất kỹ, thấy rằng không còn tình cảm nên quyết định ly hôn, không thay đổi ý kiến.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Võ Thị Trúc L, sinh ngày 01/01/2019 và Võ Anh K, sinh ngày 10/8/2015, sống với chị từ nhỏ đến nay. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi hai con, yêu cầu anh Võ Văn D cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, hai con là 4.000.000 đồng/tháng, cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

*- Bị đơn anh Võ Văn D trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên toà:*

1. Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị T vì anh còn thương vợ, thương con. Anh mong muốn được hàn gắn để lo cho vợ con. Anh thừa nhận có uống rượu bia nhưng không thường xuyên. Anh thừa nhận uống rượu về có chửi mắng vợ, có đánh vợ 01 vài lần do anh về nhà không gặp được vợ, gọi điện nhiều lần nhưng không bắt máy nên anh tức giận. Trước đó, trong khoảng thời gian khoảng 06 năm, anh đi làm thuê trên thành phố Hồ Chí Minh để gửi tiền về lo cho vợ con. Anh nghỉ làm tại thành phố Hồ Chí Minh khoảng gần 01 năm, anh về nhà làm vườn của gia đình, có đi phụ hồ khoảng 01 tháng nhưng hiện nay đã nghỉ. Hiện nay thu nhập chính của anh là từ vườn dừa, cha mẹ của anh bán dừa cho tiền anh (dưới 5.000.000 đồng/tháng). Ngoài ra không còn thu nhập nào khác.

Chị T cùng 02 con trước đây ở bên gia đình anh. Cách nay khoảng 01 năm thì chị T dẫn 02 con về bên gia đình bên chị sống để cất quán bán tiệm. Lúc đó có cự cãi vợ chồng về kinh tế, nợ nần. Anh không muốn ly hôn nhưng anh không biết làm sao để thuyết phục vợ của anh.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Võ Thị Trúc L, sinh ngày 01/01/2019 và Võ Anh K, sinh ngày 10/8/2015. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con, anh không đồng ý vì anh không đồng ý ly hôn, hiện nay anh không đủ điều kiện cấp dưỡng. Tại phiên toà, anh đề nghị trực tiếp nuôi cháu Khôi nếu Toà cho ly hôn, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

*- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T; Con chung: Võ Thị Trúc L, sinh ngày 01/01/2019 và Võ Anh K, sinh ngày 10/8/2015. Khi ly hôn, chị T được trực tiếp nuôi con, buộc anh Võ Văn D cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 1.000.000

đồng/tháng, cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

***[ 1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*; Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn, anh Võ Văn D là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:***

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, thấy rằng:

Chị T yêu cầu xin ly hôn với anh D. Anh D không đồng ý ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Hôn nhân của anh D và chị T có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh D ở chung nhà với cha mẹ ruột, hoàn cảnh kinh tế khá – giàu. Hiện tại anh D đi làm thuê, nghề nghiệp tự do, nghe thông tin anh D có đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, có về thăm nhà thường xuyên. Về thu nhập của anh D, chính quyền địa phương không rõ. Về mâu thuẫn vợ chồng, nghe thông tin do anh D đi làm xa nhà nên ghen tuông, anh D uống rượu bia về có gây cãi, có xảy ra xô sát đánh nhau với chị T nhiều lần. Có 01 lần cách ngày xác minh khoảng 01 tháng, chính quyền địa phương có can thiệp, hoà giải nhưng không có lập biên bản. Về ý thức chấp hành pháp luật của anh D kém do thường xuyên có hành vi hành hung trong gia đình, chính quyền địa phương hoà giải, khuyên ngăn nhiều lần (bằng lời nói). Gia đình cũng không khuyên ngăn được, anh D và chị T xung đột nhiều lần, cuối cùng chị T bị đánh, về bên cha mẹ ruột sống cho đến nay.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh D là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng, từ việc bất đồng quan điểm, cãi vả nhau. Phía chị T cho rằng anh D uống rượu bia, không lo làm ăn, đánh chị nhiều lần. Anh D cũng thừa nhận có uống rượu bia, có đánh chị T một vài lần nhưng không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Anh D mong muốn chị T rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Từ mâu thuẫn trên, chứng minh tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh D cho rằng mong muốn hàn gắn, đoàn tụ nhưng không tìm được hướng khắc phục mâu thuẫn. Nay chị T kiên quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải nhưng không đạt kết quả. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn

của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Võ Thị Trúc L, sinh ngày 01/01/2019 và Võ Anh K, sinh ngày 10/8/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con. Tại phiên toà, anh D cho rằng nếu ly hôn thì anh xin nuôi cháu Khôi. Thấy rằng con đang sống chung với mẹ, cháu Khôi cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ, cháu Lin là con gái, gần gủi và cần mẹ chăm sóc hơn. Mặc khác, về phía anh D, theo thông tin từ địa phương, anh D uống rượu bia về xảy ra gây cải, xô sát trong gia đình, chính quyền địa phương có can thiệp nhiều lần. Do đó, để đảm bảo cho con phát triển tốt về mọi mặt nên để chị T trực tiếp nuôi 02 con và buộc anh D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 2.000.000 đồng/tháng. Anh D không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T trình bày hiện nay chị làm nghề tự do, mỗi tháng thu nhập trung bình khoảng 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng, đang sống cùng cha mẹ, có sự hỗ trợ của cha mẹ chị phụ lo cho các con. Về phía anh D cho rằng hiện chưa có công việc ổn định, thu nhập dưới 5.000.000 đồng/tháng do cha mẹ cho thu hoạch từ vườn dừa. Ngoài lời trình bày của hai bên, chị T không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh mức thu nhập hiện nay của anh D. Thấy rằng, mức yêu cầu cấp dưỡng của chị T là cao so với thu nhập hiện tại của anh D, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/con/tháng là phù hợp.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con… khi có căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T và anh D cùng trình bày không có, không ai yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh D cùng trình bày không có, không giải quyết.

***[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.***

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị T chịu theo quy định.

Án phí cấp dưỡng nuôi con, anh D chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Võ Văn D.

2. Về con chung: Võ Thị Trúc L, sinh ngày 01/01/2019 và Võ Anh K, sinh ngày 10/8/2015. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp nuôi 02 con. Buộc anh Võ Văn D cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, cấp từng tháng, cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con… khi có căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T và anh D cùng trình bày không có, không ai yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh D cùng trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch:

- Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002202, ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), anh Võ Văn D chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Đỗ Thúy Hằng**